**BIỂU MẪU SỐ 04**

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 08/2019/TT-BTP ngày 10/12/2019)*

|  |  |
| --- | --- |
| **CƠ QUAN BÁO CÁO-------** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAMĐộc lập - Tự do - Hạnh phúc---------------** |

**TÌNH HÌNH THỰC HIỆN TRÁCH NHIỆM HOÀN TRẢ**

*(Số liệu tính từ ...../....../....... đến ...../....../.........)*

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Số tiền đã chi trả xong cho người yêu cầu bồi thường***(nghìn đồng)* | **Xem xét trách nhiệm hoàn trả** | **Giảm mức hoàn trả** | **Số vụ việc hoãn hoàn trả**(vụ việc) | **Số tiền đã hoàn trả** | **Số tiền còn phải hoàn trả***(nghìn đồng)* |
| Tổng số vụ việc xem xét | Số vụ việc đã xem xét | Số vụ việc đang xem xét (vụ việc) | Số vụ việc không xem xét (vụ việc) | Số vụ việc (vụ việc) | Số tiền *(nghìn đồng)* |
| Số vụ việc có Quyết định có hiệu lực pháp luật và đã thực hiện hoàn trả (vụ việc) | Số tiền phải hoàn trả *(nghìn đồng)* | Người thi hành công vụ không có lỗi | Người thi hành công vụ chết trước khi ra quyết định hoàn trả | Tổng số *(nghìn đồng)* | Số tiền đã hoàn trả trong kỳ báo cáo *(nghìn đồng)* | Số tiền đã hoàn trả kỳ trước chuyển sang *(nghìn đồng)* |
| 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 | 9 | 10 | 11 | 12 | 13 | 14 | 15 |
|   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |
| **I** | **TRONG HOẠT ĐỘNG QUẢN LÝ HÀNH CHÍNH** |
|   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |
| **II** | **TRONG HOẠT ĐỘNG TỐ TỤNG HÌNH SỰ** |
|   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |
| **III** | **TRONG HOẠT ĐỘNG TỐ TỤNG DÂN SỰ** |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| **IV** | **TRONG HOẠT ĐỘNG TỐ TỤNG HÀNH CHÍNH** |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| **V** | **TRONG HOẠT ĐỘNG THI HÀNH ÁN HÌNH SỰ** |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| **VI** | **TRONG HOẠT ĐỘNG THI HÀNH ÁN DÂN SỰ** |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |

|  |  |
| --- | --- |
| **Người lập biểu***(ký, ghi rõ họ tên)* | *Ngày........ tháng........năm.......***Thủ trưởng cơ quan***(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)* |

**Nguồn lấy số liệu:**

*- Đối với báo cáo của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh: số liệu được tổng hợp từ báo cáo của các cơ quan quy định tại điểm a và điểm b khoản 1 Điều 26 Thông tư số 08/2019/TT-BTP ngày 10/12/2019.*

*- Đối với báo cáo của Tòa án nhân dân tối cao: số liệu được tổng hợp từ báo cáo của các cơ quan quy định tại điểm a và điểm b khoản 2 Điều 26 Thông tư số 08/2019/TT-BTP ngày 10/12/2019.*

*- Đối với báo cáo của Viện kiểm sát nhân dân tối cao: số liệu được tổng hợp từ báo cáo của các cơ quan quy định tại điểm a và điểm b khoản 3 Điều 26 Thông tư số 08/2019/TT-BTP ngày 10/12/2019.*

*- Đối với báo cáo của các Bộ: số liệu được tổng hợp từ báo cáo của các cơ quan quy định tại điểm a và điểm b khoản 4 Điều 26 Thông tư số 08/2019/TT-BTP ngày 10/12/2019.*

**Hướng dẫn thống kê số liệu tình hình thực hiện trách nhiệm hoàn trả**

**Cột số 2:**Tổng số tiền đã chi trả xong cho người yêu cầu bồi thường.

**Cột số 3:**Tổng số vụ việc xem xét trách nhiệm hoàn trả. Cột số 3 = Cột số 4 + 6.

**Cột số 4:**Ghi số vụ việc có quyết định hoàn trả có hiệu lực và đã thực hiện hoàn trả.

**Cột số 5:**Ghi số tiền phải hoàn trả.

**Cột số 6:**Ghi số vụ việc đang xem xét trách nhiệm hoàn trả.

**Cột số 7:**Ghi số vụ việc không xem xét trách nhiệm hoàn trả do người thi hành công vụ gây thiệt hại không có lỗi.

**Cột số 8:**Ghi số vụ việc không xem xét trách nhiệm hoàn trả do người thi hành công vụ gây thiệt hại chết trước khi ra quyết định hoàn trả.

**Cột số 9:**Ghi số vụ việc được giảm mức hoàn trả.

**Cột số 10:**Ghi số tiền hoàn trả được giảm.

**Cột số 11:**Ghi số vụ việc được hoãn hoàn trả.

**Cột số 12:**Ghi tổng số tiền đã hoàn trả. Cột số 12 = Cột số 13+ 14.

**Cột số 13:**Ghi số tiền đã hoàn trả trong kỳ báo cáo.

**Cột số 14:**Ghi số tiền đã hoàn trả từ kỳ báo cáo trước chuyển sang.

**Cột số 15:**Ghi số tiền còn phải hoàn trả.